

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 6/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 6/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 6/2024 huyện Tam Nông **đạt 87,41/100 điểm (tốt), xếp hạng 02/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	16,3 (giảm 1,6)	90,6
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,2 (giảm 0,3)	96,52
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	83,5
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,6 (giảm 0,1)	77,35
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	18,2 (tăng 0,6)	82,7

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **90,42/100** điểm, điểm thấp nhất là **78,27/100** điểm, trong đó có 03 xã, thị trấn xếp loại xuất sắc; 07 xã xếp loại tốt, 02 xã xếp loại khá, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã Phú Đức	90.42	18/18	20/20	6.8/12	8.6/10	18/18	19/22
02	Thị trấn Tràm Chim	90.19	18/18	19.2/20	8.3/12	8.8/10	18/18	17.9/22
03	Xã Phú Cường	90.07	18/18	20/20	6.8/12	8.7/10	18/18	18.6/22
04	Xã Phú Hiệp	87.15	15.2/18	20/20	6.8/12	8.7/10	18/18	18.5/22
05	Xã An Hòa	85.82	11.9/18	19.9/20	7.5/12	8.8/10	18/18	19.6/22
06	Xã Phú Thọ	85.39	16.9/18	17.8/20	6.8/12	8.6/10	17.9/18	17.3/22
07	Xã Phú Thành B	83.09	12.4/18	20/20	6.8/12	8.7/10	18/18	17.2/22
08	Xã An Long	82.66	12.9/18	19.5/20	6.8/12	8.7/10	18/18	16.7/22
09	Xã Hòa Bình	81.75	11.3/18	20/20	6.8/12	8.3/10	18/18	17.4/22
10	Xã Tân Công Sính	80.6	13/18	19.5/20	6.8/12	8.3/10	18/18	15/22
11	Xã Phú Thành A	78.81	14.5/18	16.7/20	7.5/12	8.7/10	17.6/18	13.8/22
12	Xã Phú Ninh	78.27	8.9/18	19.5/20	06/12	8.5/10	18/18	17.4/22

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	16,3 (giảm 1,6)	90,6

1.3. Nguyên nhân: Thực hiện đồng bộ hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đầy đủ.

Stt	Tên đơn vị	HS đã đồng bộ	Tỷ lệ đã đồng bộ (%)	HS chưa đồng bộ	Tỷ lệ chưa đồng bộ (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	555			Không có dữ liệu báo cáo tổng hợp	Không
02	Xã Phú Thọ	323				Không
03	Xã Phú Đức	358				Không
04	Thị trấn Tràm Chim	699				Không
05	Xã Phú Hiệp	195				Không
06	Xã Phú Thành A	266				Không
07	Xã An Long	249				Không
08	Xã Phú Thành B	82				Không
09	Xã Phú Ninh	184				Không
10	Xã Hòa Bình	155				Không
11	Xã Tân Công Sính	109				Không
12	Xã An Hòa	345				Không

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,2 (giảm 0,3)	96,52

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **51 hồ sơ** và **77 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Một cửa huyện	48	33	2	9	4	87.5	Không
02	Xã Phú Thành A	270	215	0	12	43	84.07	Không
03	Xã Phú Thọ	338	271	26	31	10	89.35	Không

04	Xã An Long	262	240	0	16	6	97.71	Không
05	Thị trấn Tràm Chim	718	623	23	67	5	96.1	Không
06	Xã Phú Ninh	201	189	0	7	5	97.51	Không
07	Xã Tân Công Sính	122	102	0	17	3	97.54	Không
08	Xã An Hòa	361	359	0	1	1	99.72	Không
09	Xã Phú Hiệp	222	210	0	12	0	100	Xong
10	Xã Hòa Bình	162	151	0	11	0	100	Xong
11	Xã Phú Đức	364	354	0	10	0	100	Xong
12	Xã Phú Thành B	83	82	0	1	0	100	Xong
13	Xã Phú Cường	560	554	0	6	0	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	83,5

3.3. Nguyên nhân:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.

- Thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định.

Stt	Tên đơn vị	HS nộp DVCTT chưa đúng quy định	Tỷ lệ HS nộp DVCTT chưa đúng quy định (%)
01	Một cửa huyện	38	50
02	Xã Phú Thành A	240	70.38
03	Xã Phú Thọ	306	83.15
04	Xã An Long	234	80.41
05	Thị trấn Tràm Chim	688	92.97

06	Xã Phú Ninh	172	86
07	Xã Tân Công Sính	103	74.64
08	Xã An Hoà	321	90.93
09	Xã Phú Hiệp	190	88.79
10	Xã Hoà Bình	153	83.61
11	Xã Phú Đức	358	97.28
12	Xã Phú Thành B	78	85.71
13	Xã Phú Cường	534	91.6

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Thanh toán trực tuyến	10	8,6 (giảm 0,1)	77,35

* Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tỷ lệ TT hình thức khác (%)	Tiến độ HT (45%)
01	Một cửa huyện	61	39	22	63.93	36.07	Xong
02	Xã Phú Đức	299	290	9	96.99	3.01	Xong
03	Xã Phú Cường	418	396	22	94.74	5.26	Xong
04	Thị trấn Tràm Chim	379	353	26	93.14	6.86	Xong
05	Xã Phú Thọ	246	225	21	91.46	8.54	Xong
06	Xã Phú Hiệp	146	132	14	90.41	9.59	Xong
07	Xã Phú Thành A	199	175	24	87.94	12.06	Xong
08	Xã An Long	164	137	27	83.54	16.46	Xong
09	Xã Phú Thành B	86	71	15	82.56	17.44	Xong
10	Xã Tân Công Sính	91	69	22	75.82	24.18	Xong

11	Xã An Hòa	416	267	149	64.18	35.82	Xong
12	Xã Hòa Bình	198	102	96	51.52	48.48	Xong
13	Xã Phú Ninh	367	168	199	45.78	54.22	Xong

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Mức độ hài lòng	18	18	100

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 6 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Số hóa hồ sơ	22	18,2 (tăng 0,6)	82,7

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	553	525	94.94	Không
02	Xã Phú Đức	356	346	97.19	Không
03	Xã An Hoà	336	328	97.62	Không
04	Xã Hoà Bình	148	127	85.81	Không
05	Xã Phú Thọ	311	277	89.07	Không
06	Xã Phú Thành A	259	166	64.09	Không
07	Xã An Long	246	205	83.33	Không
08	Xã Phú Hiệp	193	176	91.19	Không
09	Xã Tân Công Sính	105	77	73.33	Không
10	Xã Phú Ninh	180	167	92.78	Không
11	Xã Phú Thành B	79	72	91.14	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	690	656	95.07	Không
13	Huyện Tam Nông	3.102	2.852	91.94	Không

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	553	505	91.32	Không
02	Xã Phú Đức	356	346	97.19	Không
03	Xã An Hoà	336	304	90.48	Không
04	Xã Hoà Bình	148	125	84.46	Không
05	Xã Phú Thọ	311	261	83.92	Không
06	Xã Phú Thành A	259	164	63.32	Không
07	Xã An Long	238	190	79.83	Không
08	Xã Phú Hiệp	193	171	88.6	Không
09	Xã Tân Công Sính	105	72	68.57	Không
10	Xã Phú Ninh	180	155	86.11	Không

11	Xã Phú Thành B	79	69	87.34	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	690	645	93.48	Không
13	Huyện Tam Nông	3.173	2.815	88.72	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
01	Xã Phú Cường	551	213	38.66	338	61.34	Không
02	Xã Phú Đức	352	166	47.16	186	52.84	Không
03	Xã An Hoà	336	240	71.43	96	28.57	Xong
04	Xã Hoà Bình	116	27	23.28	89	76.72	Không
05	Xã Phú Thọ	288	46	15.97	242	84.03	Không
06	Xã Phú Thành A	260	4	1.54	256	98.46	Không
07	Xã An Long	228	12	5.26	216	94.74	Không
08	Xã Phú Hiệp	193	99	51.3	94	48.7	Xong
09	Xã Tân Công Sính	90	6	6.67	84	93.33	Không
10	Xã Phú Ninh	180	30	16.67	150	83.33	Không
11	Xã Phú Thành B	79	4	5.06	75	94.94	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	689	73	10.6	616	89.4	Không
13	Huyện Tam Nông	3.084	906	29.38	2.178	70.62	Không

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Đồng bộ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đạt 100% theo quy định.
2. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
3. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
4. Nhiều hồ sơ thực hiện nộp trực tuyến chưa đúng quy trình.
5. Một số địa phương thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến chưa đạt yêu cầu.

6. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

7. Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tiếp tục tăng cường thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; tập trung nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; nghiêm túc thực hiện việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa đảm bảo đạt chỉ tiêu được giao.

3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, nhất là việc đồng bộ, số hóa hồ sơ và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định như hiện nay.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 6/2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC_{Hiếu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam